



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**BÁO CÁO MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI
THÔNG TƯ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**
(Dành cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018)

Hà Nội tháng 8 năm 2021

NỘI DUNG

- ✓ Quan điểm xây dựng
- ✓ Căn cứ xây dựng
- ✓ Lộ trình thực hiện
- ✓ Cấu trúc
- ✓ Một số nội dung chính cốt lõi

QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.
- Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó coi trọng đánh giá quá trình.
- Cân bằng các mục tiêu của kiểm tra đánh giá coi trọng mục tiêu đánh giá như một hoạt động học tập vì hoạt động học tập.

CĂN CỨ XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện GDĐT: *Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.*

2. Kiểm tra, đánh giá học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

- Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 6.
- Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 7 và lớp 10.
- Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 8 và lớp 11.
- Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 9 và lớp 12.

CẤU TRÚC THÔNG TƯ

Cấu trúc gồm: 5 Chương, 22 Điều

- ✓ Chương I: Quy định chung (4 Điều)
- ✓ Chương II: Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh (7 Điều)
- ✓ Chương III: Sử dụng kết quả đánh giá (3 Điều)
- ✓ Chương IV: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (5 Điều)
- ✓ Chương V: Điều khoản thi hành (2 Điều)

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá bằng nhận xét

a) **Giáo viên** dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc *thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh* trong quá trình rèn luyện và học tập.

b) **Học sinh** dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về *việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân; nhận xét những ưu điểm nổi bật, những điểm còn hạn chế của học sinh khác* khi được giáo viên hướng dẫn và yêu cầu thực hiện.

c) **Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân** có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi về việc *thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh*.

d) Đánh giá bằng nhận xét được **sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì** thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh *phù hợp với đặc thù của môn học*.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá bằng điểm số

a) Giáo viên dùng **điểm số** để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.

b) Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong ***đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì*** thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh phù hợp với đặc thù của môn học.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Hình thức đánh giá đối với các môn học:

a) **Đánh giá bằng nhận xét** đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b) **Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số** đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá thường xuyên

- Thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.
- Đối với một môn học, mỗi học sinh được ***kiểm tra, đánh giá nhiều lần***, trong đó ***chọn một số lần kiểm tra, đánh giá*** phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá thường xuyên

- ***Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét*** (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn **02 lần** ghi kết quả đánh giá.
 - + Mức Đạt: Đáp ứng được yêu cầu của nội dung kiểm tra, đánh giá.
 - + Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu của nội dung kiểm tra, đánh giá.
- ***Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số*** (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong mỗi học kì như sau:
 - + Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG_{tx}.
 - + Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG_{tx}.
 - + Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐG_{tx}.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá thường xuyên

Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo *từng chuyên đề* học tập, trong đó *chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá* làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học *được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó* và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá định kỳ đối với *môn học Đánh giá bằng nhận xét*

+ Không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập

+ 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì

+ 03 hình thức: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không tính số tiết của cụm chuyên đề học tập):

Từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút

Trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút;

Môn chuyên tối đa 120 phút.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá định kì đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

- 01 điểm đánh giá giữa kì (ĐĐG_{gk}) và 01 điểm đánh giá cuối kì (ĐĐG_{ck}).
 - Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có **lí do bất khả kháng** thì **được kiểm tra, đánh giá bù** với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.
 - Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

Từng học kì đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

- **Mức Tốt:** Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.
- **Mức Khá:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.
- **Mức Đạt:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- **Mức Chưa đạt:** Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

Cả năm học đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

- **Mức Tốt:** Kì II mức Tốt, kì I mức Khá trở lên.
- **Mức Khá:** Kì II mức Khá, kì I từ mức Đạt trở lên
kì II mức Đạt, kì I mức Tốt;
kì II mức Tốt, kì I mức Đạt hoặc Chưa đạt.
- **Mức Đạt:** Kì II mức Đạt, kì I mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt;
kì II mức Khá, kì I mức Chưa đạt.
- **Mức Chưa đạt:** Các trường hợp còn lại.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong **một học kì**, đánh giá theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

+ **Mức Đạt**: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ **Mức Chưa đạt**: Các trường hợp còn lại.

- **Cả năm học**, đánh giá theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

+ **Mức Đạt**: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ **Mức Chưa đạt**: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

- Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, $ĐTB_{mhk}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, $ĐTB_{mcn}$ được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh ***trong từng học kì và cả năm học*** được đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét mức Đạt.
- Tất cả các môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 6,5 điểm trở lên,
- Có từ 06 môn học trở lên có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét mức Đạt.
- Tất cả các môn học có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ từ 5,0 điểm trở lên,
- Có từ 06 môn học trở lên có $ĐTB_{mhk}$, $ĐTB_{mcn}$ đạt từ 6,5 điểm trở lên.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.

- Có từ 06 trở lên có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 5,0 điểm trở lên;

- Không có môn học nào ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu kết quả đánh giá của ***nhiều nhất 01 môn học*** làm cho mức đánh giá ***kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02*** mức trở lên, thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được ***điều chỉnh lên mức liền kề.***

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Kiểm tra, đánh giá lại các môn học

HS chưa đủ điều kiện được lên lớp/công nhận học hết chương trình

+ Kết quả rèn luyện cả năm học từ mức Đạt trở lên

+ Kết quả học tập cả năm học mức Chưa đạt

thì được đánh giá lại các môn học mức Chưa đạt và các môn học có ĐTB_{mcn} dưới 5,0 điểm.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Khen thưởng

- Danh hiệu "**Học sinh Xuất sắc**"

- + Kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt
- + Kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt
- + Có ít nhất 06 môn học được đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mcn} đạt từ 9,0 điểm trở lên.

- Danh hiệu "**Học sinh Giỏi**"

- + Kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Tốt
 - + Kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Tốt.
- Khen thưởng học sinh **có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập** trong năm học.

MỘT SỐ NỘI DUNG CỐT LÕI

Ngoài ra trong thông tư còn có các qui định về:

- Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Đánh giá học sinh khuyết tật;
- Sử dụng kết quả đánh giá trong việc xét lên lớp; kiểm tra, đánh giá lại; không được lên lớp; rèn luyện trong kì nghỉ hè;
- Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!
